

Đầu tư công nghiệp: Chuyển từ lượng sang chất

SONG ANH

Báo cáo Đầu tư Công nghiệp Việt Nam 2011 được kỳ vọng sẽ giúp Việt Nam chuyển trọng tâm chiến lược xúc tiến đầu tư từ chú trọng số lượng như hiện nay sang tập trung cao hơn cho chất lượng đầu tư được đo lường bằng ảnh hưởng của vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đối với nền kinh tế trong nước.

Nhìn lại

Trong một nghiên cứu về phát triển khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương mới đây xác định, mục tiêu cao nhất của xây dựng các cụm liên kết ngành (CLKN) là gắn kết chúng với sự phát triển của KCN, CCN và công nghiệp hỗ trợ, nhằm tạo nên mối liên kết bền vững giữa các chủ thể tham gia và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp (DN). Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ rõ những tồn tại, bất cập của lĩnh vực này.

Theo Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện cả nước có 260 KCN với tổng diện tích tự nhiên 72.000 ha, trong đó 174 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên trên 43.500 ha và 86 KCN đang trong giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản với tổng diện tích đất tự nhiên 28.500 ha. Các KCN được phân bố trên 57 tỉnh, thành phố trên cả nước, tập trung chủ yếu ở 3 vùng kinh tế trọng điểm, cụ thể, miền Nam tập trung nhiều KCN nhất với 124 KCN, chiếm gần 48% tổng số KCN trên cả nước. Miền Bắc có 52 KCN, chiếm 20% tổng số KCN cả nước và miền Trung có 23 KCN chiếm xấp xỉ 10% tổng số KCN trên cả nước.

Theo số liệu của Bộ Công Thương, tính đến tháng 12/2011, cả nước đã quy hoạch phát triển 1.800 CCN, trong đó, có khoảng 900 cụm đã được thành lập và đang hoạt động. Về số lượng, Báo cáo Cạnh tranh Việt Nam 2010 cho hay, vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm tỷ trọng áp đảo tới 71%. Các CLKN được hình thành, phát triển tự nhiên, với 3 dạng: Làng nghề truyền thống, phố nghề và các CLKN đang “trú ngụ” trong chính các KCN.

Nhìn vào thực trạng phát triển KCN, CCN, tiến sĩ Võ Trí Thành – Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, nhận định, Việt Nam vẫn chưa có các chiến lược, chính sách hiện hữu hình thành và phát triển các CLKN để qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững cho nền kinh tế. Ông Võ Trí



Thành nói: “Các chính sách công nghiệp, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ còn mang tính can thiệp quá mức trong khi chưa tính đến đầy đủ các điều kiện chủ quan và khách quan để công nghiệp hỗ trợ phát triển”.

Ngoài ra, theo nghiên cứu này, việc chuyển giao công nghệ còn nhiều bất cập, DN Việt Nam năng lực còn hạn chế, không đáp ứng được đầy đủ yêu cầu hợp tác kinh doanh của các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Các KCN, CCN phát triển tràn lan, dàn trải, thiếu quy hoạch. Quá trình xây dựng và phát triển các KCN, CCN diễn ra rất chậm chạp, thiếu bền vững do chưa tạo ra giá trị gia tăng cao, thậm chí còn gây tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội và môi trường đối với khu vực dân cư liên quan.

Mối liên kết trong các KCN, CLKN, công nghiệp hỗ trợ với mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu chưa được chú trọng. Việc phát triển các KCN không được định hướng và liên quan chặt chẽ với sự phát triển liên kết ngành. Các hỗ trợ cho các hoạt động liên

kết, tích tụ công nghiệp, phân đoạn sản xuất, chuỗi giá trị, mạng lưới sản xuất... rất ít được cơ quan quản lý nhà nước hỗ trợ, các hiệp hội kinh doanh ngành hàng quan tâm. Chính sách phát triển các KCN, CCN chưa được lồng ghép hài hòa trong chính sách phát triển của các địa phương cũng như chính sách phát triển ngành.

Để phát triển cụm ngành công nghiệp, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách hỗ trợ. Nhưng Giáo sư Nicola Coniglio (Đại học Bari - Ý), nói: “không thể hỗ trợ tất cả các cụm công nghiệp”. Theo Giáo sư, Chính phủ nên thiết kế cơ chế chọn lựa: trực tiếp hoặc qua chính quyền địa phương để qua đó những cụm ngành “tiềm năng” bộc lộ được sự quan tâm của họ đến sáng kiến chung, nhằm thúc đẩy năng lực cạnh tranh và đỡ bỏ được những rào cản để đạt được mục tiêu này. “Việc thí điểm là cần thiết để học hỏi về chính sách đó trước khi nâng quy mô can thiệp, đồng thời chứng minh hiệu quả chính sách cụm ngành là công cụ hiệu quả trong xúc tiến năng lực cạnh tranh”.

Giải pháp cho dài hạn

Việt Nam đang ở giai đoạn bản lề trong quá trình phát triển, hiện đại hóa công nghiệp. Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2011-2015 (SEDP), Việt Nam đặt định hướng vào năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng công nghiệp tương đối cao, giá trị sản xuất công nghiệp chiếm một phần đáng kể trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam nhưng cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa những đòn bẩy phát triển công nghiệp, tăng chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và tính cạnh tranh của nền kinh tế.

Kinh tế suy thoái, sự dịch chuyển các luồng vốn FDI được dự đoán là tạo thuận lợi cho Việt Nam. Tầm điểm công nghiệp Việt Nam hiện nay chính là đóng góp lớn lao chưa từng có của FDI. Khi Việt Nam tiếp tục phát triển, yếu tố quan trọng và thích hợp là hiểu biết hơn nữa về tác động của FDI trong quá trình phát triển lĩnh vực công nghiệp.

Theo Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài Đỗ Nhất Hoàng, Báo cáo Đầu tư Công nghiệp Việt Nam 2011 ra đời đúng lúc, đề cập đến những chính sách quan trọng xung quanh vai trò và tác động của FDI đến nền kinh tế, khi Việt Nam đang đứng trước một bước ngoặt quan trọng trên con đường phát triển công nghiệp. Báo cáo giới thiệu khái quát, song thấu đáo về tác động của FDI trong hoạt động và hiệu quả kinh tế của Việt Nam.

Báo cáo tập trung phân tích các nội dung, như: Tạo việc làm và hình thành kỹ năng; Đóng góp vào đầu tư (giai đoạn trước đây và thời gian tới); Các xu hướng trong thương mại quốc tế; So sánh đối chiếu hiệu quả hoạt động của các DN tỉnh, thành phố; Các liên kết dọc, ngang và tác động lan tỏa; Quyền tự chủ của ban

quản lý địa phương trong các DN FDI; Môi trường kinh doanh và các vấn đề về điểm đầu tư tại Việt Nam.

Ngoài việc công bố các vấn đề liên quan đến đầu tư công nghiệp, Báo cáo cũng đưa ra 9 khuyến nghị, trong đó, khuyến nghị số 4 nhấn mạnh đánh giá các ưu đãi đầu tư và chính sách đối với KCN; Đánh giá khung ưu đãi và đối chiếu với tác động kinh tế của các DN hoạt động trong KCN. Đồng thời yêu cầu giải quyết các nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng vênh giữa kế hoạch đầu tư và thực hiện kế hoạch của các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Nhà nước và các đơn vị liên quan cần theo đuổi tầm nhìn dài hạn, thu hút các ngành giá trị gia tăng cao và công nghệ cao thông qua việc áp dụng các ưu đãi đặc thù.

Cục trưởng Đỗ Nhất Hoàng cho biết, khảo sát tại 9 tỉnh tập trung nhiều DN FDI thuộc các lĩnh vực như: Dệt may, cao su, nhựa, thiết bị điện... chiếm khoảng 60-70%. Trên 1.500 DN được khảo sát, trong đó có khoảng 800 DN nước ngoài, lớn nhất là DN của Nhật Bản, còn các DN châu Âu hoạt động không tích cực lắm. Trong khi các DN Nhật Bản tập trung vào công nghệ cao, Đài Loan tập trung ở tầm thấp hơn thì Hàn Quốc tập trung vào lĩnh vực có công nghệ thấp.

Cục trưởng Đỗ Nhất Hoàng tin tưởng, Báo cáo cùng với Hệ thống theo dõi đầu tư Việt Nam - nơi lưu giữ trực tuyến đồng thời là công cụ cho phép truy cập công khai dữ liệu khảo sát, phục vụ cho những nghiên cứu mang tính tương tác. Báo cáo hướng đến mục tiêu tạo tính minh bạch trong đối thoại giữa Chính phủ và khu vực tư nhân nhằm xây dựng một tầm nhìn chung về cách thức thúc đẩy sự thịnh vượng của đất nước. ♦

9 khuyến nghị của Báo cáo Đầu tư Công nghiệp Việt Nam 2011:

- Đánh giá mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của khu vực DN;
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực và hình thành kỹ năng;
- Cải thiện một số điểm chưa tích cực về môi trường kinh doanh;
- Đánh giá các ưu đãi đầu tư và chính sách đối với khu công nghiệp;
- Phát triển công nghiệp phụ trợ để làm đối trọng với các hoạt động vốn là lãnh địa của DN có vốn ĐTNN;
- Hỗ trợ nhiều hơn cho các liên doanh;
- Hướng tới đầu tư trực tiếp nước ngoài thông qua mua lại và sát nhập;
- Củng cố khung xúc tiến đầu tư và chức năng chính sách của Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Cục Đầu tư nước ngoài;
- Đưa xúc tiến đầu tư làm nội dung trọng tâm trong các đối thoại liên bộ.